

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lý Đăng N, sinh năm 1988;

Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Căn hộ T2-10.14 KDC cao cấp M-one NSG, Số 35/12 BVC, phường TK, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn N:

Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N xác lập quan hệ hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01/2014 đăng ký tại Ủy ban Nhân dân Phường 9, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2014).

Quá trình chung sống giữa ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào trích lục khai sinh số 141/TLKS-BS ngày 22/11/2017 của UBND phường 9, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở

xác định ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N có 01 người con chung, họ tên là Lý Nguyên H, sinh ngày 14/11/2017.

Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng đến khi con chung đủ 10 tuổi; từ sau 10 tuổi ông N cấp dưỡng nuôi con 10.000.000(mười triệu)đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 05 tháng 02 năm 2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn N:

Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2014).

1.2. Về con chung:

Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N có 01 người con chung, họ tên là Lý Nguyên H, sinh ngày 14/11/2017.

Giao trẻ Lý Nguyên H cho bà Nguyễn Thị Xuân N (là mẹ) trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lý Đăng N (là cha) cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng đến khi con chung tròn 10 tuổi; từ sau 10 tuổi ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu)đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 05 tháng 02 năm 2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Lý Đăng N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Lý Đăng N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Lý Đăng N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N không có nợ chung.

1.5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0042171 ngày 05/01/2021 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Vậy, ông Lý Đăng N và bà Nguyễn Thị Xuân N đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND Phường 9, Quận 4, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang